TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2025
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Huệ Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai theo thủ tục sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 160/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 194/29/5 đường V, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 144/21 đường L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản không hòa giải được, nguyên đơn ông Nguyễn Anh V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2011 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2011.

Quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Linh T, sinh ngày 30/12/2011.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng sau đó thì xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Đến năm 2017 thì không thể hàn gắn được nữa nên hai bên không còn chung sống. Sau thời gian dài không chung sống cho đến nay, mâu thuẫn không được giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn. Nay, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Linh T, sinh ngày 30/12/2011. Trẻ Nguyễn Ngọc Linh T trước giờ được bà L chăm sóc ổn định nên ông đồng ý để con tiếp tục ở với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản: Hai bên không có tài sản chung. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L mặc dù đã được Tòa án tống đạt triệu tập nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Anh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Linh T, sinh ngày 30/12/2011. Ông đồng ý giao con cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp giữ nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký là đúng thủ tục tố tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Anh V yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có địa chỉ cư trú tại Quận 3. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là vụ án tranh chấp về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được tống đạt, niêm yết Thông báo về vệc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L không có mặt nên Tòa án đã lập Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

Xét, nguyên đơn ông Nguyễn Anh V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Anh V, nhận thấy:

Ông Nguyễn Anh V và bà Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2011 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân của ông V và bà L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét ý kiến trình bày của ông V trong quá trình chung sống, hai ông bà có mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống gia đình, hai bên đã không chung sống từ năm 2017 cho đến nay.

Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình, hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình".*

Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình, hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn*

nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập bà L để trình bày ý kiến và hòa giải gia đình nhưng bà L đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày cũng như mong muốn hàn gắn gia đình. Như vậy, có thể thấy bà L không muốn hòa giải để gia đình được đoàn tụ. Nên việc ông V yêu cầu được ly hôn với bà L là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Con chung là Nguyễn Ngọc Linh T, sinh ngày 30/12/2011 được bà L chăm sóc ổn định và có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ. Nên việc giao con cho bà L tiếp tục chăm sóc là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ 10/8/2025.

Về tài sản chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ tại hồ sơ vụ án để xem xét yêu cầu của Nguyên đơn.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 19, Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 53; Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông Nguyễn Anh V:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Linh T, sinh ngày 30/12/2011 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp giữ nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ 10/8/2025.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn yêu cầu xin thi hành án, nếu ông Nguyễn Anh V chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì hàng tháng ông V còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện.

Ông Nguyễn Anh V được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Nguyên đơn ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Anh V phải chịu và được cấn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0059902 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Anh V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Anh V; bà Nguyễn Thị Mỹ L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận 3;
- TAND TP. HCM;
- UBND P.5, Quận 3, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huệ Chi